**SH6.CHUYÊN ĐỀ 6 – PHÂN SỐ**

**CHỦ ĐỀ 6.3 HAI BÀI TOÁN VỀ PHÂN SỐ**

**CHỦ ĐỀ 6.3.1: TÌM GIÁ TRỊ PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ CHO TRƯỚC.**

**PHẦN I. TÓM TẮT LÍ THUYẾT.**

Tìm giá trị phân số của một số cho trước:

Muốn tìm  của số  cho trước, ta tính .  ()

Giá trị  của số  là giá trị phân số  của số .

Muốn tìm giá trị  của số  cho trước, ta tính 

**PHẦN II. CÁC DẠNG BÀI.**

**Dạng 1. Tìm giá trị phân số của một số cho trước**

**I. Phương pháp giải.**

Đề tìm giá trị phân số của một số cho trước, ta nhân số cho trước với phân số đó.

**Chú ý**: Phân số có thể viết dưới dạng hỗn số, số thập phân, số phần trăm.

 của số  là .  ()

**II. Bài toán.**

**Bài 1. Tìm**

a)  của  b)  của  c)  của  d)  của 

**Lời giải**

a)  của bằng:  b)  của  bằng: 

c)  của  bằng:  d)  của  bằng: 

**Bài 2.Tìm**

a)  của  b) của  c)  của 

**Lời giải**

a)  của  bằng:  b) của  bằng: 

c)  của  bằng: 

**Bài 3.Tìm:**

a)  của đồng b)  của  mét; c)  của  tấn

d)  của  km e)  của  ki-lo-mét; g)  của  tấn

**Lời giải**

a)  của đồng bằng:  đồng

b)  của  mét bằng:  mét

c)  của  tấn bằng:  tấn

d)  của  km bằng:  km

e)  của  ki-lo-mét bằng:  kilomet

g)  của  tấn bằng:  tấn

**Bài 4.Tìm:**

a)  của  kg; b)  của ; c)  của  cm;

d)  của ; e)  của  g)  của  kg;

**Lời giải**

a)  của  kg bằng: kg b)  của  bằng:  cm

d)  của  bằng:  m e)  của  bằng:  m

g)  của  kg bằng:  kg

**Bài 5.Tính nhanh:**

a)  của ; b)  của ;

c)  của ; d)  của .

**Lời giải**

a)  của  bằng: 

b)  của  bằng: 

c)  của  bằng: 

d)  của  bằng: 

**Bài 6.Có bao nhiêu phút trong:**

a)  giờ; b)  giờ c)  giờ.

**Lời giải**

a)  giờ:  phút b)  giờ:  phút

c)  giờ:  phút

**Dạng 2. BÀI TOÁN DẪN ĐẾN TÌM GIÁ TRỊ PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ CHO TRƯỚC**

**I. Phương pháp giải.**

Căn cứ vào nội dung cụ thể của từng bài toán, ta phải tìm giá trị phân số của một số cho trước trong bài, từ đó hoàn chỉnh lời giải của bài toán.

**II. Bài toán.**

**Bài 1.** Tuấn có 21 viên bi. Tuấn cho Dũng  số bi của mình. Hỏi:

a) Dũng được Tuấn cho bao nhiêu viên bi?

b) Tuấn còn lại bao nhiêu viên bi?

**Lời giải**

a) Số bi Dũng được Tuấn cho là:  (viên bi)

b) Số bi Tuấn còn lại là: (viên bi)

**Bài 2.** Một quả cam nặng 325g. Hỏi  quả cam nặng bao nhiêu?

**Lời giải**

 quả cam nặng:  (g)

**Bài 3.** Một quả cam nặng 300g. Hỏi  quả cam nặng bao nhiêu ?

**Lời giải**

 quả cam nặng: 300 .  = 225 (g)

**Bài 4**. Đoạn đường Hà Nôi - Hải Phòng dài 102 km. Một xe lửa xuất phát từ xuất phát từ Hà Nội đã đi được quãng đường. Hỏi xe lửa còn cách Hải Phòng bao nhiêu ki – lô – mét.

**Lời giải**

Đoạn đường xe lửa đã đi được là:  (km)

Đoạn đường còn lại cách Hải Phòng số km là:  (km)

**Bài 5**. Trên đĩa có 25 quả táo. Mai ăn  số táo. Lan ăn tiếp  số táo còn lại. Hỏi trên đĩa còn mấy quả táo?

**Lời giải**

Số táo Mai đã ăn là:  (quả)

Số táo còn lại là:  (quả)

Số táo Lan đã ăn là:  (quả)

Số táo còn lại trên đĩa là:  (quả)

**Bài 6:** Trên đĩa có 24 quả táo. Hạnh ăn 25% quả táo, Hoàng ăn  số táo còn lại. Hỏi trên đĩa còn mấy quả táo.

**Lời giải**

Số táo Hạnh đã ăn là:  (quả)

Số táo còn lại là:  (quả)

Số táo Hoàng đã ăn là:  (quả)

Số táo còn lại trên đĩa là:  (quả)

**Bài 7.** Nguyên liệu để muối dưa cải gồm rau cải, hành tươi, đường và muối. Khối lượng hành, đường và muối theo thứ tự bằng, ,  khối lượng rau cải. Vậy nếu muối  kg rau cải cần bao nhiêu kilogam hành, đường và muối?

**Lời giải**

Số ki lô gam hành cần là:  (kg)

Số ki lô gam đường cần là:  (kg)

Số ki lô gam muối cần là:  (kg)

**Bài 8.** Bố Lan gửi tiết kiệm  triệu đồng tại một ngận hàng theo thể thức “ có kỳ hạn  tháng” với lãi suất một tháng (tiền lãi mỗi tháng bằng số tiền gửi ban đầu và sau  tháng mới được lấy lãi), Hỏi hết thời hạn  tháng, bố bạn Lan lấy ra cả vốn lẫn lãi được bao nhiêu?

**Lời giải**

Số tiền lãi trong  tháng là:  (đồng)

Số tiền cả vốn lẫn lãi sau  tháng bố bạn Lan được lĩnh là: (đồng)

**Bài 9.** Một ô tô đã đi  trong 3 giờ. Trong giờ thứ nhất, xe đi được  quãng đường. Trong giờ thứ hai, xe đi được  quãng đường còn lại. Hỏi trong giờ thứ ba xe đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

**Lời giải**

Trong giờ thứ nhất, ô tô đi được:  ( ki lô mét)

Quãng đường còn lại:  ( ki lô mét)

Trong giờ thứ hai, ô tô đi được:  ( ki lô mét)

Trong giờ thứ ba, ô tô đi được:  (ki lô mét)

**Bài 10.** Một ô tô đã đi 120 km trong ba giờ . Giờ thứ nhất xe đi được  quãng đường. Giớ thứ hai xe đi được 40% quãng đường còn lại. Hỏi trong giờ thứ ba xe đi được bao nhiêu kilômét?

**Lời giải**

Trong giờ thứ nhất, ô tô đi được:  ( ki lô mét)

Quãng đường còn lại:  ( ki lô mét)

Trong giờ thứ hai, ô tô đi được:  ( ki lô mét)

Trong giờ thứ ba, ô tô đi được:  (ki lô mét)

**Bài 11.** Một chai sữa có  sữa. Trong sữa có  bơ. Tính lượng bơ trong chai sữa.

**Lời giải**

Lượng bơ trong chai sữa là:  (bơ)

**Bài 12.** Trong thùng có 60 lít xăng. Người ta lấy ra lần thứ nhất  và lần thứ hai  số lít xăng đó. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít xăng ?

**Lời giải**

Phân số chỉ số xăng lấy ra hai lần: + = (số xăng)

Phân số chỉ số xăng còn lại:  (số xăng)

Số xăng còn lại:  (lít)

**Bài 13.** Một đám đất hình chữ nhật có chiều rộng 60m, chiều dài bằng  chiều rộng. Người ta để diện tích đám đất đó trồng cây, diện tích còn lại đó để đào ao thả cá. Hỏi diện tích ao bằng bao nhiêu phần trăm diện tích cả đám đất

**Lời giải**

Chiều dài đám đất là: (m)

Diện tích đám đất là: (m2)

Diện tích trồng cây là: (m2)

Diện tích còn lại là: (m)

Diện tích ao cá: (m2)

Diện tích ao bằng: 

## **Bài 14.** Một cuộn dây dài 150 m. Lần thứ nhất người bán hàng cắt đi cuộn dây, lần thứ hai cắt tiếp phần còn lại. Hỏi sau hai lần cắt thì phần dây còn lại là bao nhiêu?

**Lời giải**

Lần thứ nhất cắt đi: (m)

Số dây còn lại sau lần thứ nhất: (m)

Lần thứ 2 cắt đi: (m)

Sau hai lần cắt thì còn lại: (m)

**Bài 15.** Một lớp học có 30 học sinh trong đó  là gái. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh là trai?

**Lời giải**

Số học sinh gái là: (học sinh)

Số học sinh trai là: (học sinh)

**Bài 16.** Một trường học có 1200 học sinh. Số học sinh có học lực trung bình chiếm  tổng số; số học sinh khá chiếm  tổng số; còn lại là học sinh giỏi. Tính số học sinh giỏi của trường này?

**Lời giải**

Số học sinh có học lực trung bình là:  (học sinh)

Số học sinh khá là:  (học sinh)

Số học sinh giỏi của trường là:  (học sinh)

**Bài 17.** Lớp 6A có 45 học sinh, trong đó số học sinh giỏi bằng  số học sinh cả lớp, số học sinh khá bằng  số học sinh cả lớp, còn lại là số học sinh trung bình. Tính số học sinh giỏi, khá, trung bình của lớp 6A.

**Lời giải**

Số học sinh giỏi lớp 6A là:  (hs)

Số học sinh khá lớp 6A là:  (hs)

Số học sinh trung bình lớp 6A là:  (hs)

**Bài 18:** Khối 6 của một trường THCS có ba lớp gồm 120 học sinh. Số học sinh lớp 6A chiếm  số học sinh của khối. Số học sinh lớp 6B bằng  số học sinh lớp 6A, còn lại là học sinh lớp 6C. Tính số học sinh mỗi lớp.

**Lời giải**

Số học sinh lớp 6A là: (học sinh)

Số học sinh lớp 6B là: (học sinh)

Số học sinh lớp 6C là:  (học sinh)

**Bài 19:** Lớp 6B có 48 học sinh. Số học sinh giỏi bằng số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng 25% số học sinh cả lớp, còn lại là học sinh khá. Tính số học sinh khá của lớp .

**Lời giải**

Số học sinh giỏi lớp 6B là:  (hs)

Số học sinh trung bình lớp 6B là:  (hs)

Số học sinh khá lớp 6B là:  (hs)

**Bài 20**: Ba lớp 6 của một trường THCS có 120 học sinh . Số học sinh lớp 6A chiếm 35% số học sinh của khối. Số học sinh lớp 6C chiếm  số học sinh của khối, còn lại là học sinh lớp 6B . Tính số học sinh lớp 6B.

**Lời giải**

Số học sinh lớp 6A là: (học sinh)

Số học sinh lớp 6C là: (học sinh)

Số học sinh lớp 6C là:  (học sinh)

**Bài 21.** Một lớp có 45 học sinh. Số học sinh trung bình bằng  số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng  số học sinh còn lại. Tính số học sinh giỏi?

**Lời giải**

Số học sinh trung bình là:  (học sinh)

Số học sinh còn lại là:  (học sinh)

Số học sinh khá là:  (học sinh)

Số học sinh giỏi là:  (học sinh)

**Bài 21.** Một lớp có 45 học sinh. Khi giáo viên trả bài kiểm tra, số bài đạt điểm giỏi bằng  tổng số bài. Số bài đạt điểm khá bằng  số bài còn lại. Tính số bài đạt điểm trung bình.(Giả sử không có bài điểm yếu và kém).

**Lời giải**

Số bài đạt điểm giỏi là:  (bài)

Số bài còn lại là:  (bài)

Số bài đạt điểm khá là:  (bài)

Số bài đạt điểm trung bình là:  (bài)

**Bài 22.** Lớp 6B có 48 học sinh. Số học sinh giỏi bằng  số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng 300% số học sinh giỏi, còn lại là học sinh khá. Tính số học sinh mỗi loại.

**Lời giải**

Số học sinh giỏi là:  (học sinh)

Số học sinh trung bình là:  (học sinh)

Số học sinh khá là:  (học sinh)

**Bài 23.** Một lớp có 40 học sinh gồm 3 loại: giỏi, khá, trung bình. Số học sinh giỏi chiếm  số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng  số học sinh còn lại. Tính số học sinh mỗi loại.

**Lời giải**

Số học sinh giỏi là:  (học sinh)

Số học sinh còn lại là:  (học sinh)

Số học sinh trung bình là:  (học sinh)

Số học sinh khá là:  (học sinh)

**Bài 24.** Một lớp học có 30 học sinh gồm 3 loại: khá, trung bình, yếu. Số học sinh khá chiếm  số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng  số học sinh còn lại. Tính số học sinh mỗi loại của lớp.

**Lời giải**

Số học sinh khá là:  (học sinh)

Số học sinh còn lại là:  (học sinh)

Số học sinh trung bình là:  (học sinh)

Số học sinh yếu là:  (học sinh)

**Bài 25.** Một khối 6 có 270 học sinh bao gồm ba loại: Giỏi, Khá và Trung bình. Số học sinh trung bình chiếm  số học sinh cả khối, số học sinh khá bằng  số học sinh còn lại. Tính số học sinh giỏi của khối 6 đó



**Lời giải**

Số học sinh trung bình là:  (học sinh)

Số học sinh còn lại là:  (học sinh)

Số học sinh khá là:  (học sinh)

Số học sinh giỏi là:  (học sinh)

**Bài 26.** Học sinh lớp 6A trồng được 56 cây trong ba ngày. Ngày thứ nhất trồng được  số cây. Ngày thứ hai trồng được  số cây còn lại. Tính số cây học sinh 6A trồng được trong ngày thứ ba.

**Lời giải**

Ngày thứ nhất trồng được số cây là: (cây)

Số cây còn lại trồng trong ngày thứ nhất: 56 – 21 = 35 (cây)

Số cây trồng ngày thứ hai: (cây)

Số cây trồng ngày thứ ba: 56 - (21 + 20) = 15 (cây).

**Bài 27.** Lớp 6C có 45 học sinh, trong đó có số học sinh thích bóng đá,  số học sinh thích đá cầu. Tính số học sinh thích bóng đá, đá cầu.

**Lời giải**

Học sinh thích bóng đá:  em.

Học sinh thích đá cầu:  em

**CHỦ ĐỀ 6.3.2: TÌM MỘT SỐ BIẾT GIÁ TRỊ PHÂN SỐ CỦA NÓ**

**PHẦN I. TÓM TẮT LÍ THUYẾT.**

***\* Quy tắc:*** Muốn tìm một số biết của nó bằng a, ta tính 

**PHẦN II. CÁC DẠNG BÀI.**

**Dạng 1. Tìm một số biết giá trị một phân số của nó**

**I. Phương pháp giải.**

Muốn tìm một số biết giá trị một phân số của nó, ta chia giá trị này cho phân số. “Phân số” có thể được viết dưới dạng hỗn số, số thập phân, số phần trăm.

**II. Bài toán.**

**Bài 1. Chọn câu trả lời đúng trong các câu sau**

**Câu 1:** Muốn tìm một số biết  của nó bằng a ta làm thế nào?

A. Lấy  B. Lấy  C. Lấy  D. Không tìm được

**Câu 2:** Tìm một số biết  của nó bằng . Số đó là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 3:** Tìm một số biết  của nó bằng . Số đó là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 4:** Tìm một số biết  của nó bằng . Số đó là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

***Đáp án:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** |
| A | B | A | B |

**Bài 2.** Tìm một số biết:  của nó bằng 

**Lời giải:**

 của nó bằng  nên số đó bằng: 

**Bài 3.** Tìm một số biết:

a)  của nó bằng . b)  của nó bằng .

**Lời giải:**

a)  của nó bằng nên số đó bằng .

b)  của nó bằng nên số đó bằng .

**Bài 4.** Biết rằng và . Không cần làm phép tính, hãy:

a) Tìm một số, biết  của nó bằng .

b) Tìm một số, biết  của nó bằng .

**Lời giải:**

a)  của nó bằng nên số đó bằng .

b)  của nó bằng nên số đó bằng .

**Bài 5**. Tìm một số biết:của nó bằng .

**Lời giải:**

của nó bằng nên số đó bằng

**Bài 6**: quả dưa nặng  kg. Hỏi quả dưa nặng bao nhiêu kilogam?

**Lời giải:**

Quả dưa nặng số kilogam làkg

**Bài 7.** Tính:

a)  của  là  thì  bằng? b)  của  tạ là  tạ thì  bằng?

c)  của  giờ là  giờ thì  bằng? d) của  là thì  bằng?

**Lời giải:**

a)  của  là  thì .

b)  (tạ)

c)  (giờ)

d) 

**Bài 8.** Tìm một số biết  của nó bằng ?

**Lời giải:**

 của nó bằng nên số đó bằng

**Bài 9.** Tìm  biết  của  bằng ?

**Lời giải:**

 của  bằng nên 

**Bài 10.** Tìm , biết: 

**Lời giải:**









.

**Bài 11.** số bi của Lâm là  viên. Hỏi Lâm có bao nhiêu viên bi?

**Lời giải:**

Lâm có số viên bi là (viên bi)

**Bài 12.** kho hàng có  hàng. Hỏi  kho hàng có bao nhiêu kg hàng?

**Lời giải:**

 kho hàng có  hàng thì kho hàng có số kg là (kg)

 kho hàng có số kg hàng là (kg)

**Bài 13.** Nam năm nay  tuổi bằng số tuổi của bà hiện nay. Hỏi bà năm nay bao nhiêu tuổi?

**Lời giải:**

Số tuổi của bà là(tuổi)

**Bài 14.** Một miếng đất hình chữ nhật có chiều rộng là . Chiều rộng bằng  chiều dài. Tính diện tích miếng đất.

**Lời giải:**

Chiều dài mảnh đất là (m)

Diện tích miếng đất là

**Bài 15.** Tìm một số biết  của số đó bằng  của .

**Lời giải:**

 của số đó bằng  của nên số đó là: 

**Bài 16.** Tìm một số biết của số đó bằng  của .

**Lời giải:**

của số đó bằng  của nên số đó là: 

**Dạng 2. Bài toán dẫn đến tìm một số biết giá trị một phân số của nó**

**I. Phương pháp giải.**

Căn cứ vào đề bài, ta chuyển bài toán về tìm một số biết giá trị một phân số của nó, từ đó tìm được lời giải bài toán đã cho.

**II. Bài toán.**

**Bài 1:** Một lớp có  học sinh giỏi,  học sinh khá còn lại là học sinh trung bình. Tính số học sinh của lớp đó biết số học sinh trung bình là  bạn?

**Lời giải**

Nếu xem tổng số học sinh của lớp là  thì số học sinh trung bình so với số học sinh của lớp là: 

Số học sinh của lớp là:  (học sinh)

**Đáp số:** học sinh

**Bài 2:** Một nông trại nuôi bò và trâu, số bò có  con và chiếm  tổng số trâu bò. Hỏi số trâu của nông trại là bao nhiêu con?

**Lời giải**

Tổng số trâu và bò của nông trại là:  (con)

Nông trại đó có số con trâu là: (con)

**Đáp số**:  con

**Bài 3:**Một người mua  quyển sách cùng loại, vì được giảm giá  theo giá bìa nên chỉ phải trả  đồng. Hỏi giá bìa mỗi quyển sách là bao nhiêu?

**Lời giải**

Coi giá của mỗi quyển sách là  thì phần trăm giá mua sách là: 

Giá bìa 6 quyển sách là:  (đồng)

Giá bìa mỗi quyển sách là:  (đồng)

**Đáp số**:  (đồng)

**Bài 4:** Tính tuổi hai anh em biết  tuổi anh hơn  tuổi em là  tuổi và  tuổi anh hơn  tuổi em là  tuổi.

**Lời giải**

Vì  tuổi anh hơn  tuổi em là  tuổi.

Nên  tuổi anh hơn  tuổi em là  tuổi

Vậy hiệu  ứng với:  (tuổi)

Tuổi anh là: (tuổi).

 tuổi em là:  (tuổi).

Tuổi em là: (tuổi)

**Đáp số**: Em  tuổi; Anh  tuổi

**Bài 5.** Trong sữa có bơ. Tính lượng sữa trong một chai, biết rằng lượng bơ trong chai sữa này là .

***Lời giải:***

Đổi 

Lượng sữa trong một chai là: 

**Bài 6.** Trong đậu đen nấu chín, tỉ lệ chất đạm chiếm . Tính số kilôgam đậu đen đã nấu chín để có chất đạm.

***Lời giải:***

Số kiogam đậu đen phải nấu chín để có chất đậm là:(kg)

**Bài 7.** Đố: Đố em tìm được một số mà một nửa số đó bằng ?

***Lời giải:***

Do một nửa số đó bằng  nên số đó bằng

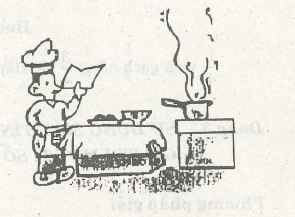
Số cần tìm là: 

**Bài 8.**  của một mảnh vải dài . Hỏi cả mảnh vải dài bao nhiêu mét?

***Lời giải:***

Chiều dài mảnh vải là: 

**Bài 9 .**



Để làm món “Dừa kho thịt”, ta cần có cùi dừa (cơm dừa), thịt ba chỉ, đường, nước mắm,muối. Lượng thịt ba chỉ và lượng đường theo thứ tự bằng và  lượng cùi dừa. Nếu có kg thịt ba chỉ thì phải cầnbao nhiêu ki lô gam cùi dừa, bao nhiêu ki lô gam đường?

**Lời giải**

Vì lượng thịt là kg và bằng lượng cùi dừa nên lượng cùi dừa bằng:  (kg)

Lượng đường bằng  lượng cùi dừa, tức là bằng:  (kg)

**Đáp số**: 1,2 kg cùi dừa và 0,06 kg đường.

**Bài 10 .** Một xí nghiệp đã thực hiện kế hoạch, còn phải làm tiếp  sản phẩm nữa mới hoàn thành kế hoạch. Tính số sản phẩm xí nghiệp được giao theo kế hoạch?

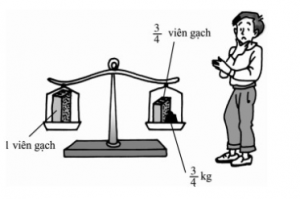
**Lời giải**

Xí nghiệp đã thực hiện kế hoạch nên số kế hoạch còn lại là

 sản phẩm là của kế hoạch nên số sản phẩm xí nghiệp được giao theo kế hoạch là

 (sản phẩm)

**Bài 11.** Đố (Theo một bài toán của Xem Lôi – đơ (Sam Loyd)): Trong hình , cân đang ở vị trí thăng bằng. Đố em viên gạch nặng bao nhiêu ki lô gam ?



**Lời giải**

viên gạch ứng với viên gạch và  kg nên viên gạch nặng kg.

Viên gạch nặng số kg là(kg)

**Bài 12.**Một cửa hàng bán một số mét vải trong  ngày. Ngày thứ nhất bán số mét vải. Ngày thứ hai bán số métvải còn lại. Ngày thứ ba bán nốt  mét vải. Tính tổng số mét vải của hàng đã bán.

**Lời giải**

**Cách 1:**

Số vải còn lại sau ngày bán thứ nhất bằng:  (tổng số)

Số vải bán trong ngày thứ hai bằng :  (tổng số)

Số vải bán trong ngày thứ ba bằng (tổng số)

 tổng số mét vải này chính là m.

Vậy tổng số mét vải cửa hàng đã bán là :  (m)

**Cách 2:**

Số mét vải bán trong ngày thứ ba so với số mét vải còn lại (sau ngày bán thứ nhất):  (số mét vải còn lại).

 số mét vải còn lại này chính là m.

Do đó số mét vải còn lại sau ngày bán thứ nhất là:  (m)

m vải này biểu thị:  (tổng số mét vải).

Vậy tổng số mét vải cửa hàng đã bán là:  (m).

**Bài 13.**Khối  của một trường THCS có ba lớp gồm  học sinh. Số học sinh lớp  bằng tổng

số học sinh hai lớp  và . Lớp  có ít hơn lớp  là 6 học sinh. Tính số học sinh mỗi lớp.

**Lời giải**

Số học sinh lớp  bằng tổngsố học sinh hai lớp  và  nên số học sinh lớp  bằng  số học sinh cả khối .

Vậy lớp  có:  (học sinh).

Tổng số học sinh hai lớp  và  là:  (học sinh) hoặc:  (học sinh).

Số học sinh lớp  là :  (học sinh).

Số học sinh lớp  là: (học sinh).

**Bài 14**. (Bài toán cổ A-Rập). Tìm một số sao cho tổng và của số đó bằng .

**Lời giải**

Ta có .

Theo đề bài,  số đó bằng. Vậy số đó là:.

**Bài 15**. (Bài toán cổ Ai Cập). Tìm một số biết rằng nếu thêm vào số đó của nó rồi trừ đi tổng vừa nhận được thì ta được .

**Lời giải**

Thêm vào số đó  của nó tức là  số đó.

Trừ đi  tổng vừa nhận được tức là trừ đi  số đó. Vậy ta có: ;  số đó bằng . Vậy số đó là: .

**Bài 16**. Bài toán từ cuốn sách ” Số học: của Mat-nhit-xki (Nga). Một người hỏi thầy giáo: ” Lớp của thầy có bao nhiêu họctrò”? , thầy đáp: “Nếu thêm vào cả số học trò tôi có, rồi lại thêm nửa số học trò của tôi, rồi thêm  số học tròvà cả con trai của ông nữa vào thì sẽ là 100 người. Hỏi thầy có bao nhiêu học trò?

**Lời giải**

Ta có 

 số học trò của lớp ứng với:  (người)..

Vậy số học trò ứng của thầy giáo đó là: (người).

**Bài 17**. Số học sinh vắng mặt bằng số học sinh có mặt tại lớp. Nếu hai học sinh ra khỏi lớp thìsố vắng mặt bằng số có mặt. Hỏi lớp ấy có tất cả bao nhiêu học sinh?

**Lời giải**

Số vắng mặt bằng  số có mặt tức là bằng  số học sinh cả lớp. Sau khi hai học sinh ra khỏi lớp thì số học sinh vắng mặt bằng  số có mặt tức là bằng  số học sinh cả lớp.

Vậy hai học sinh chiếm:  số học sinh cả lớp.

Do đó, số học sinh cả lớp đó là:  (học sinh).

**Bài 18.** Bốn bạn góp tiền mua chung một chiếc máy tính bỏ túi. Bạn An góp tổng số tiền góp của ba bạn khác, bạnBình góp tổng số tiền góp của ba bạn khác; bạn Cường góp tổng số tiền góp của ba bạn khác; còn bạnDũng thì góp đồng. Hỏi giá tiền chiếc máy tính bỏ túi và số tiền của mỗi người.

**Lời giải**

Theo đề bài, ta thấy bạn An góp  tổng số tiền góp của bốn bạn, bạn Bình góp  tổng số tiền góp của bốn bạn, bạn Cường góp  tổng số tiền góp của bốn bạn.

Như vậy  số tiền của ba bạn đã góp chiếm:  (tổng số tiền).

Số tiền bạn Dũng góp ứng với:  (tổng số tiền)

Vậy giá tiền chiếc máy tính bỏ túi là: (đồng).

Bạn An góp:  (đồng).

Bạn Bình góp:  (đồng).

Bạn Cường góp: (đồng).

**Bài 19**. Số  học sinh lớp  bằng số học sinh lớp . Nếu chuyển  bạn ở lớp  sang lớp  thìsố học sinh lớp  bằng số học sinh lớp . Tính số học sinh lúc đầu ở mỗi lớp ?

**Lời giải**

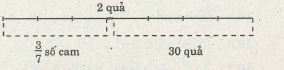
Lớp :  học sinh.

Lớp :  học sinh;

**Bài 20**. Một người mang đi bán một sọt cam. Sau khi bán số cam và  quả thì số cam còn lại là  quả. Tính số camngười ấy mang đi bán.

**Lời giải**

Nhìn sơ đồ ta thấy  số cam chính là  (quả).



Vậy số cam mang đi bán là:  (quả).

**Bài 21.** Một người mang một rổ cam đi bán. Sau khi bán  số cam và  quả thì còn lại  quả. Tính số cam mang đi bán?

**Lời giải**

Phân số chỉ quả cam bằng  số cam

Số cam mang đi bán là: (quả)

**Bài 22.** Ba tổ học sinh trồng  cây xung quanh vườn trường. Số cây tổ một trồng được so với tổ hai bằng . Số cây của tổ một trồng được so với số cây của tổ ba bằng . Hỏi mỗi tổ trồng được bao nhiêu cây?

**Lời giải**

Phân số chỉ số cây tổ hai trồng bằng  số cây tổ một trồng.

Phân số chỉ số cây tổ ba trồng bằng  số cây tổ một trồng.

Phân số chỉ  cây là:  số cây tổ một trồng

Số cây tổ một trồng là:  cây

Số cây tổ hai trồng là:  cây

Số cây tổ ba trồng là:  cây

**Bài 23.** Các phường có  dân. Tính số dân của mỗi phường biết  số dân ở phường  bằng số dân ở phường  và bằng số dân ở phường .

**Lời giải**

Đổi ; .

Phân số chỉ số dân ở phường  bằng:  số dân phường 

Phân số chỉ số dân ở phường  bằng:  số dân phường 

Phân số chỉ 24000 dân là:  số dân phường 

Số dân phường  có là:  dân

Số dân phường  có là:  dân

Số dân phường  có là:  dân

**Dạng 3. Sử dụng máy tính bỏ túi để tìm một số biết giá trị một tỉ số phần trăm của nó**

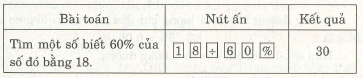
**I.Phương pháp giải.**

Tìm số  biết  của nó bằng , 

Sử dụng máy tính bỏ túi để làm phép tính trên.

**II.Bài toán.**

**Bài 1.** Sử dụng máy tính bỏ túi:



Vậy số phải tìm là .

Hãy dùng máy tính bỏ túi, kiểm tra lại đáp số của các bài tập sau:

**Giải**



**Bài 2**. Dùng máy tính bỏ túi để tính:

a) Tìm một số biết  của số đó bằng .

b) Tỉ lệ chất bột trong ngô là . Muốn có kg chất bột, cần có bao nhiêu ki-lo-gam ngô?

c) của một số là . Tìm số đó.

**Giải**

a)  của số đó bằng  nên số đó bằng

b) Tỉ lệ chất bột trong ngô là . Muốn có kg chất bột, cần có số ki-lo-gam ngô là

(kg)

c) của một số là nên số đó là .

**Dạng 4. Tìm số chưa biết trong một tổng, một hiệu.**

**I. Phương pháp giải.**

Căn cứ vào quan hệ giữa số chưa biết và các số đã biết trong phép cộng, phép trừ để tìm số chưa biết.

**II.Bài toán.**

**Bài 1.** Tìm , biết:

**a)** b) .

**Giải**

|  |  |
| --- | --- |
| **a)** | b) . |

**Bài 2**. Tìm , biết:

a)  b) 

**Lời giải**

|  |  |
| --- | --- |
| a) | b) |

**Bài 3.** Tìm , biết:

a)  b) .

**Lời giải**

|  |  |
| --- | --- |
| a) | b) |

**Bài 4.** Tìm , biết: 

**Lời giải**















## 🙢**HẾT**🙠